

Bản án số: 142/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24/8/2020

V/v “Không công nhận vợ chồng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Phạm Lan Chi

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hồ Lệ Hoa

2. Ông Trần Phi Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Chúc Ni là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 309/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2020 về việc tranh chấp không công nhận vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 198/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn T – sinh năm 1980 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 1, xã B, huyện T, tỉnh Cà Mau.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị L – sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 8, xã B, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Trình bày của anh Nguyễn Văn T:**

Về hôn nhân: Anh và chị L tự nguyện chung sống với nhau và tổ chức lễ cưới vào năm 2000 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh chị đã ly thân từ năm 2008 đến nay. Anh T thấy rằng anh và chị L không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên yêu cầu chấm dứt quan hệ hôn nhân với chị L.

Về con chung: Có 2 con chung tên Nguyễn A – sinh năm 2001 và Nguyễn T1 – sinh ngày 25/8/2002, cháu A đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu T1 hiện đang sống với anh T. Khi ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T1, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Do đi làm ăn xa nên anh T có đơn xin xét xử vắng mặt cho đến khi kết thúc vụ án.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng trong vụ án cho chị Nguyễn Thị L nhưng chị không có ý kiến.

Tại phiên tòa hôm nay: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thực hiện đúng quy định của pháp luật; về nội dung vụ án: Đề nghị xét xử vắng mặt anh T và chị L, không công nhận anh T và chị L là vợ chồng, yêu cầu của anh T về con chung là có cơ sở chấp nhận, về tài sản, nợ chung: Không có, các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, về án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu chấm dứt quan hệ hôn nhân với bị đơn là chị Nguyễn Thị L. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc không công nhận vợ chồng; Chị L có nơi cư trú tại ấp 1, xã B, huyện T, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của anh T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh T và chị L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng anh T có đơn xin xét xử vắng mặt, chị L vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự này.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2000 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị L chưa tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống anh T và chị L có điều kiện đăng ký kết hôn nhưng anh chị

không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị L là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Có 2 con chung tên Nguyễn A – sinh năm 2001 và Nguyễn T1 – sinh ngày 25/8/2002, cháu A đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu T1 hiện đang sống với anh T, vì vậy khi ly hôn cần giao cháu T1 cho anh T được tiếp tục nuôi dưỡng, do anh T không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Chị L không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung phù hợp với quy định pháp luật, không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không đặt ra yêu cầu xem xét nên không xem xét là phù hợp.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh T phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

[5] Xét đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị L.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 14, 53, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn T. Không công nhận anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị L là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn T1 – sinh ngày 25/8/2002 (giới tính nam) cho anh T được tiếp tục nuôi dưỡng, chị L không cấp dưỡng nuôi con.

Chị L không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung phù hợp với quy định pháp luật, không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Ngày 03 tháng 6 năm 2020 anh T có dự nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0011255 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu và đối trừ án phí.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Anh T và chị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Huỳnh Phạm Lan Chi